

THỜI KHOÁ BIỂU NĂM HỌC 2025 - 2026
Tuần 14: từ ngày 17/11/2025 đến ngày 23/11/2025

THỨ LỚP		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6
K10-DVTY P.E201	Sáng	KTNPTB cho lợn (Hưng) 4 <i>(P.B101)</i>	KTNPTB cho lợn (Hưng) 4 <i>(P.B101)</i>	KTNPTB cho lợn (Hưng) 4 <i>(P.B101)</i>		KTNPTB cho lợn (Hưng) 4 <i>(P.B101)</i>
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Duyên)</i> 1 Vi sinh vật học TY (Duyên) 3	CĐ và ĐTH thú y (Vân) 4	Luật thú y (Nga) 4		Quản trị kinh doanh (Hoa) 4
K11-DVTY P.E303	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Duyên)</i> 1	Quản trị kinh doanh (Hoa) 4	KTNPTB cho chó mèo (Lệ) 4		Phương pháp thí nghiệm (Phượng) 4
	Chiều	CĐ và ĐTH thú y (Vân) 3				
K11-KTDN P.E305	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Thuý)</i> 1 Kỹ năng mềm (Dung) 4	Anh văn CN (Phiên) 4			Anh văn CN (Phiên) 4
	Chiều	Thống kê DN (Thuý) 4		KTNS xã phường (Hoa) 4		
CÁC LỚP TRUNG CẤP HỆ CHÍNH QUY						
TT64A1 P.B102	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Bình)</i> 1	Bệnh cây chuyên khoa (Hương) 4	CBBQ sau thu hoạch (Huyền) 4		Phòng trừ dịch hại (Triệu) 4
	Chiều	Cây dược liệu (Bình) 3				
TT65A1 P.B201	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Hương)</i> 1 GDTC (Quang) 3	Giống cây trồng (Huyền) 2	Sinh lý TV (Huệ) 4		Khuyến nông (Huệ) 4
	Chiều					
TT65A3 P.B102	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Huyền)</i> 1 GDTC (Quang) 3	Sinh lý TV (Huệ) 2	Giống cây trồng (Huyền) 4		Đất và phân bón (Hương) 4
	Chiều	<i>Các môn GD chính trị, Pháp luật, GDTC học ghép cùng lớp TT65A1</i>				
CN64A1 P.E203	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Hoà)</i> 1	KTNPTB cho lợn (Hưng) 4	KTNPTB cho trâu bò (Vân) 4		Trồng trọt cơ bản (Huyền) 4
	Chiều	KTNPTB cho gà vịt (Hoà) 3				

CN65A1 P.B202	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Lệ)</i>	1	Giải phẫu sinh lý VN (Hằng)	4	Giáo dục QP-AN(Mạnh)	4	Pháp luật (Huyền)	2
	Chiều	KTTG (Quyên)	4					GD chính trị (Tài)	2
CN65A3 P.B203	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (H.Nga)</i>	1	Pháp luật (Nga)	2	GD chính trị (Quế)	2	KTTG (Nga)	4
	Chiều	Giải phẫu sinh lý VN (Hằng)	4	GDTC (Hội)	2				
CN65A4 P.E304	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Vân)</i>	1	Dược lý thú y (Lệ)	4	Giải phẫu sinh lý VN (Hằng)	2	GD chính trị (Quế)	2
	Chiều	KTTG (Nga)	4					GDTC (Hà)	2
LN65A	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Lịch) (P.B204)</i>	1	Đất và phân bón (Hương)	4	Vườn ươm cây giống (Hùng)	4	Sinh thái rừng và MT	4
		GDTC (Quang)	3	(P.B205)				(Tuyệt)	
Các môn Tin học, GD chính trị, Pháp luật, GDTC học ghép cùng lớp TT65A1									
KTDN64A1 P.E202	Sáng								
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Hoa)</i>	1	TH KT trong DNSX (T.Thảo)	4	TH KT trong DNSX (T.Thảo)	4		
KTDN64A2 P.E204	Sáng								
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Thủy)</i>	1	TH KT trong DNSX (Mai)	4	TH KT trong DNSX (Mai)	4		
KTDN65A1 P.B103	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Dung)</i>	1	Kính tế vi mô (Thủy)	4	Tiếng anh (Linh)	4	Tiếng anh (Linh)	4
	Chiều	Kỹ năng mềm (Dung)	4						
KTDN65A2 P.B104	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (P.Thảo)</i>	1	Nguyên lý thống kê (Hoa)	4	Tiếng anh (K.Nhung)	4	Kỹ năng mềm (Sơn)	2
	Chiều	Lý thuyết KT (P.Thảo)	4					GDTC (Quang)	2
CNTT64A1 P.TH	Sáng								
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Quang)</i>	1	HDH Windown server	4	Lập trình Windown (Thảo)	4	Lập trình Windown (Thảo)	4
CNTT64A2 P.TH	Sáng								
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (T.Thảo)</i>	1	Lập trình Windown (Thảo)	4	HDH Windown server	4	XD và QL Website	4
CNTT65A1 P.B205	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Hà)</i>	1	Tin học VP (Tâm)	4	Kỹ năng mềm (Sơn)	2	GD chính trị (Thắm)	2
	Chiều	Bảng tính Excel (Hà)	4			Pháp luật (Huyền)	2	Pháp luật (Huyền)	2

CNTT65A2 P.B204	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Phương)</i> Tin học VP (Phương)	1 4	Tiếng anh (Linh)	4	Pháp luật (Huyền) Kỹ năng mềm (Sơn)	2 2	Bảng tính Excel (Hà)	4
	Chiều								
ĐCN64A1 P.E103	Sáng								
		<i>Sinh hoạt lớp (Tuấn)</i> Cung cấp điện (Tuấn)	1 3	KT máy lạnh và ĐHKK (Giáp)	4	Trang bị điện (Nga)	4	Trang bị điện (Nga)	4
	Chiều								
ĐCN64A2 P.E104	Sáng								
		<i>Sinh hoạt lớp (Giáp)</i> KT máy lạnh và ĐHKK (Giáp)	1 3	Kỹ thuật điện tử (P.Anh)	4	KT máy lạnh và ĐHKK (Giáp)	4	KT máy lạnh và ĐHKK (Giáp)	4
	Chiều								
ĐCN64A3 P.E102	Sáng								
		<i>Sinh hoạt lớp (Hoà)</i> Trang bị điện (Nga)	1 3	Cung cấp điện (Tuấn)	4	Kỹ thuật điện tử (Tuấn)	4	Kỹ thuật điện tử (Tuấn)	4
	Chiều								
ĐCN 64B	Sáng								
		<i>Sinh hoạt lớp (Huyền)</i> Trang bị điện (Đ.Đức)	1 3	KT máy lạnh và ĐHKK (Huân)	4	KT máy lạnh và ĐHKK (Huân)	4	KT máy lạnh và ĐHKK (Huân)	4
	Chiều								
ĐCN65A1 P.E303	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Đ.Đức)</i> Giáo dục QP - AN (Mạnh)	1 4	An toàn điện (Hoà)	4	Vẽ Kỹ thuật điện (P.Anh)	4	Tiếng anh (Phiên)	4
	Chiều								
ĐCN65A2 P.E302	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Tiến)</i> Mạch điện (Huyền)	1 4	Mạch điện (Huyền)	4	Tin học (Phương)	4	Giáo dục QP-AN(Mạnh)	4
	Chiều								
ĐCN65B1	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Huân)</i> Vật liệu điện (Huân)	1 4	Tin học (Quang)	4	Tiếng anh (T.Nhung)	4	Mạch điện (Dương)	4
	Chiều								
ĐCN65B2 P.E301	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Dương)</i> Pháp luật (Huyền)	1 4	Vật liệu điện (P.Anh)	4	Mạch điện (Dương)	4	Vẽ kỹ thuật (N.Đức)	4
	Chiều								
ĐCN65B3 P.E101	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Nga)</i> Vẽ Kỹ thuật điện (P.Anh)	1 4	Giáo dục QP - AN (Mạnh)	4	Mạch điện (Huyền)	4	Tiếng anh (K.Nhung)	4
	Chiều								
TL64	Sáng								
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (N.Đức)</i> KTTC Công trình TL (N.Đức)	1 3	Duy tu bảo dưỡng CTTL (Hoà)	3	KTTC Công trình TL (N.Đức)	3	Duy tu bảo dưỡng CTTL (Hoà)	3

TL65	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (N.Đức)</i> Vật liệu (N.Đức)	1 4	Tin học (Quang)	4	Tiếng anh (T.Nhung)	4		Cơ kỹ thuật (Huyền)	4	
	Chiều										
KTDN64B	Sáng										
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Mai)</i> Kế toán doanh nghiệp 1 (Mai)	1 3	Kế toán DN2 (Dung)	4	Kế toán DN2 (Dung)	4		Thuế (T.Thảo)	4	
KTDN65B	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (T.Thảo)</i> Lý thuyết KT (T.Thảo)	1 4	Tin học (Quang)	4	Tiếng anh (T.Nhung)	4		Kinh tế vi mô (Thuý)	4	
	Chiều										
CBBQ64	Sáng										
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Liên)</i> CB nước mắm (Liên)	1 3	Kỹ thuật điện (Năm)	3	Kỹ thuật điện (Năm)	3		CB nước mắm (Liên)	3	
CBBQ65	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Liên)</i> Vi sinh vật TP (Liên)	1 4	Tin học (Quang)	4	Tiếng anh (T.Nhung)	4		KT lạnh cơ sở (Năm)	4	
	Chiều										
KTMTT64	Sáng										
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Năm)</i> Khai thác máy phụ TT (Đồng)	1 3	BD, SC thiết bị trên boong (Trung)	3	Khai thác máy phụ TT (Đồng)	3		Khai thác máy phụ TT (Đồng)	3	
KTMTT65	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Năm)</i> Vẽ kỹ thuật (Trung)	1 4	Tin học (Quang)	4	Tiếng anh (T.Nhung)	4		Cơ kỹ thuật (Huyền)	4	
	Chiều										
NTTS64	Sáng										
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Liên)</i> SX giống tôm thẻ chân trắng (Ánh)	1 3	SX giống tôm thẻ chân trắng (Ánh)	3	SX giống tôm thẻ chân trắng (Ánh)	3		SX giống tôm thẻ chân trắng (Ánh)	3	
ĐKTB65	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Ánh)</i> Vẽ kỹ thuật (Trung)	1 4	Tin học (Quang)	4	Tiếng anh (T.Nhung)	4		TT liên lạc hàng hải (Tiến)	4	
	Chiều										
CÁC LỚP TRUNG CẤP HỆ CHÍNH QUY HỌC CUỐI TUẦN											
THỨ LỚP		Thứ 6				Thứ 7			Chủ nhật		
TT64A2	Sáng					<i>Sinh hoạt lớp (Lịch)</i> Phòng trừ dịch hại (Lịch)			Phòng trừ dịch hại (Lịch)		4
	Chiều					Cây rau (Huệ)			CBBQ sau thu hoạch (Huyền)		4

TT64A3	Sáng	Cây công nghiệp (Thọ)	4	Sinh hoạt lớp (Huệ)	Giống cây trồng (Huyền)	4
TT65A2				Côn trùng chuyên khoa (Huệ)		
P.B204	Chiều	Cây lương thực (Bình)	4	Khuyến nông (Thọ)	Bệnh cây đại cương (Lịch)	4
CN64A2	Sáng	VSV - TN (Phượng)	4	Sinh hoạt lớp (Phượng)	Dược lý thú y (Duyên)	4
CN65A2				VSV - TN (Phượng)		
P.B205	Chiều	Khuyến nông (Triệu)	4	Dược lý thú y (Duyên)	KTTG (Vân)	4



**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

Đoàn Văn Lưu

HÀNH

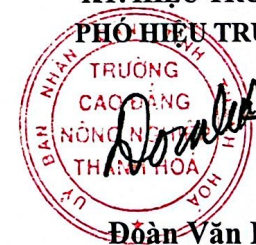
THỜI KHOÁ BIỂU NĂM HỌC 2025 - 2026
CÁC LỚP HỌC CHƯƠNG TRÌNH GDTX CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
Từ ngày 17/11/2025 đến ngày 23/11/2025

THỨ LỚP		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4		Thứ 6
VH63B1	Sáng	HĐTN (Nhưng) 1 Toán (Nhưng) 3	Ngữ văn (Hằng) 2 Hoá học (Doan) 2	Địa lý (Thuy) 2 Ngữ văn (Hằng) 2		
	Chiều	Lịch sử (Hà) 4	Toán (Nhưng) 4	Ngữ văn (Hằng) 4		Lịch sử (Hà) 4
VH63B3 P.B302	Sáng	HĐTN (Hà) 1 Toán (Lan Anh) 3	Sinh học (Phượng) 2 Lịch sử (Dự) 2	Lịch sử (Dự) 2 GDKT và PL (Quế) 2		Ngữ văn (Hằng) 4
	Chiều		Ngữ văn (Hằng) 4	Toán (Lan Anh) 4		GDKT và PL (Quế) 4
VH63B4 P.B303	Sáng	HĐTN (Dự) 1 CD Lịch sử (Dự) 3	Ngữ văn (H.Hà) 2 Địa lý (Lực) 2	Toán (Nhưng) 4		GDKT và PL (Quyên) 2 Sinh học (Phượng) 2
	Chiều		Ngữ văn (H.Hà) 4	Lịch sử (Dự) 4		GDKT và PL (Quyên) 4
VH63B6 P.B304	Sáng	HĐTN (Hoà) 1 GDKT và PL (Tài) 1 Hoá học (Vân) 2	Vật lý (Hoà) 2 Toán (Nhưng) 2	Hoá học (Vân) 2 GDKT và PL (Tài) 2		Lịch sử (Lý) 2 Toán (Nhưng) 2
	Chiều	Toán (Nhưng) 4	Lịch sử (Lý) 4	Ngữ văn (Hường) 4		
VH63B7 P.B305	Sáng	HĐTN (Nga) 1 Địa lý (Ngọc) 3	Toán (Quý) 4	Vật lý (Hoà) 2 Hoá học (Vân) 2		Địa lý (Ngọc) 2 Lịch sử (Lý) 2
	Chiều	Ngữ văn (H.Hà) 4	GDKT và PL (Nga) 4	Địa lý (Ngọc) 4		Toán (Quý) 4
VH63B8 P.B301	Sáng	HĐTN (K.Nhung) 1 Sinh học (Phượng) 3	Ngữ văn (Hường) 2 Vật lý (Hoà) 2	GDKT và PL (Quyên) 2 Lịch sử (Dự) 2		Địa lý (Lực) 2 Toán (Quý) 2
	Chiều	Lịch sử (Dự) 4	GDKT và PL (Quyên) 4			Ngữ văn (Hường) 4

VH64B1	Sáng	HĐTN (Hằng)	1	Hoá học (Doan)	2	Ngữ văn (Hằng)	2	Lịch sử (Hà)	4
		Địa lý (Thuý)	3	GDKT và PL (Thuý)	2	Địa lý (Thuý)	2		
VH64B3 P.B306	Sáng	HĐTN (Vân)	1	Toán (Dương)	2	Ngữ văn (Hường)	2	Vật lý (Hoà)	2
		CĐ GDKT và PL (Quyên)	3	Ngữ văn (Hường)	2	Toán (Dương)	2	Hoá học (Vân)	2
VH64B4 P.E201	Sáng	HĐTN (H.Nga)	1	Toán (Nhưng)	2	Ngữ văn (Hà)	4	Toán (Nhưng)	2
		Vật lý (Trung)	3	GDKT và PL (Thắm)	2			Hoá học (Hà)	2
VH64B5 P.E202	Sáng	HĐTN (Dương)	1	Ngữ văn (Chi)	4	Toán (Dương)	2	Địa lý (Lực)	2
		Toán (Dương)	3			GDKT và PL (Quyên)	2	CĐ Vật lý (Hoà)	2
VH64B6 P. E204	Sáng	HĐTN (H. Hà)	1	CĐ Lịch sử (Hằng)	4	Sinh học (Phượng)	2	Hoá học (Hà)	2
		CĐ Địa lý (Lực)	3			Ngữ văn (H.Hà)	2	GDKT và PL (Quyên)	2
	Chiều							Hoá học (Hà)	2
VH64B8 P.E203	Sáng	HĐTN (Phiên)	1	GDKT và PL (Tài)	2	GDKT và PL (Tài)	2	Hoá học (Vân)	2
		Ngữ văn (Lý)	3	Hoá học (Vân)	2	Địa lý (Lực)	2	CĐ Lịch sử (Dự)	2
VH65B1	Chiều	HĐTN (Thuý)	1	Toán (Hương)	2	Hoá học (Doan)	2	Ngữ văn (Hằng)	4
		Ngữ văn (Hằng)	3	CĐ GDKT và PL (Thuý)	2	Toán (Hương)	2		
VH65B2 P.E302	Chiều	HĐTN (Quyên)	1	Hóa học (Hà)	2	Toán (Dương)	2	Ngữ văn (H.Hà)	2
		GDKT và PL (Quyên)	3	CĐ Lịch sử (Dự)	2	CĐ GDKT và PL (Quyên)	2	Hóa học (Hà)	2
VH65B3 P.E301	Chiều	HĐTN (Quý)	1	CĐ Lịch sử (Dự)	2	Địa lý (Phương)	2	Ngữ văn (Lý)	4
		Toán (Quý)	3	GDKT và PL (Thắm)	2	GDKT và PL (Thắm)	2		
VH65B4 P.E101	Chiều	HĐTN (Mạnh)	1	Địa lý (Lực)	4	Vật lý (Trung)	2	CĐ Lịch sử (Nhưng)	2
		CĐ GDKT và PL (Nga)	3			Toán (Quý)	2	Hoá học (Vân)	2
VH65B5 P.B205	Chiều	HĐTN (Lực)	1	Ngữ văn (Hà)	4	Địa lý (Lực)	2	GDKT và PL (Nga)	2
		Toán (Dương)	3			Sinh học (Phượng)	2	Vật lý (Hoà)	2

VH65B6 P.B204	Chiều	HĐTN (Linh) GDKT và PL (Thắm)	1 3	Ngữ văn (Chi) 4	Ngữ văn (Chi) 4		GDKT và PL (Thắm) 2 Lịch sử (Nhưng) 2
VH65B7 P.B104	Chiều	HĐTN (Phượng) Sinh học (Phượng)	1 3	Toán (Lan Anh) 4			Địa lý (Phượng) 2 CĐ Địa lý (Phượng) 2
VH65B8 P.B202	Chiều	HĐTN (Hường) Hóa học (Hà)	1 3	Ngữ văn (Hường) 4	CĐ ngữ văn (Hường) 2 GDKT và PL (Quyên) 2		Toán (L.Anh) 4
VH65B9 P.B203	Chiều	HĐTN (Hồng) Toán (Lan Anh)	1 3	Địa lý (Phượng) 2 Hoá học (Hà) 2	GDKT và PL (Thắm) 2 Sinh học (Hồng) 2		Ngữ văn (Chi) 4
VH65B10 P.B103	Chiều	HĐTN (Thắm) Ngữ văn (Lý)	1 3	GDKT và PL (Thắm) 2 Toán (Dương) 2	Sinh học (Hồng) 2 Toán (Dương) 2		Địa lý (Thủy) 4
VH65B11 P.B201	Chiều	HĐTN (Quế) CĐ Lịch sử (Hằng)	1 3	Toán (Dương) 2 Sinh học (Hồng) 2	Ngữ văn (Hà) 4		Sinh học (Hồng) 2 Địa lý (Nga) 2

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Đoàn Văn Lưu